

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2023.

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sinh**
Bà **Nông Thị Giáp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ma Văn Chung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Kim Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về: “*Tranh chấp Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nông Thị L**, sinh năm 1995 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh **Luân Văn S**, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày:

* Về hôn nhân: Chị **Nông Thị L** kết hôn với anh **Luân Văn S** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (Nay là xã C), huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 01/6/2016. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống cùng nhà bố mẹ của chị L ở Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình sinh sống

hai vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do anh S thường xuyên rượu chè, chơi bời không chịu khó làm ăn và 03 lần đánh chị L. Việc anh S chơi bời, rượu chè chị L và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không những không thay đổi mà vẫn tiếp tục tái diễn. Anh S đánh chị L lần đầu là ở nhà của bố mẹ chị L vào năm 2018; lần thứ hai anh S đánh chị L là vào năm 2019 tại phòng trọ của ông Nguyễn Tài Phước ở thôn Giang Liễu, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; lần thứ ba anh S đánh chị L là vào năm 2021 tại phòng trọ của ông Nguyễn Công H ở thôn Giang Liễu, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Ngoài bị anh S đánh thì chị L còn bị anh S dùng dao đe dọa, bóp cổ và dùng dây thừng buộc tay chị L. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Từ khi sống ly thân chị L và anh S không liên lạc với nhau nữa, hiện nay chị L cũng không biết anh S đang làm gì, ở đâu, chỉ biết là nơi đăng ký thường trú của anh S vẫn ở trong hộ khẩu ông Luân Đình Th, tại ở Thôn N, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Luân Văn S.

* Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 30/3/2023 ông Luân Đình Th (là bố đẻ của bị đơn) trình bày lại ý kiến của bị đơn anh Luân Văn S như sau:

Hiện nay anh Luân Văn S đang đi làm công nhân ở Bắc Ninh không có thời gian về Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn trình bày trực tiếp ý kiến của anh S đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị L cho Tòa án. Nay anh S nhờ ông Thảo truyền đạt lại ý kiến của anh S cho Tòa án với nội dung sau:

* Về hôn nhân: Anh S xác nhận anh S và chị L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L Hạ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn vào năm 2016 theo như chị L trình bày. Anh S cho rằng chị L trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng là không đúng, anh S không được chơi bời, uống rượu, mắng chửi và đánh đập chị L mà mâu thuẫn của vợ chồng là bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn của hai vợ chồng cũng đã đến mức trầm trọng và hiện nay anh S không còn chung sống với chị L. Nay chị L xin ly hôn anh S cũng nhất trí.

* Về con chung: Anh S và chị L chưa có con chung.

* Về tài sản chung: Trong thời gian anh S sinh sống cùng gia đình chị L ở Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì anh S có bỏ ra 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để khoan giếng nước. Nay anh S yêu cầu chị L phải trả cho anh S số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) này. Anh S có ý kiến về việc yêu cầu chị L trả tiền nhưng anh S sẽ không làm đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu chia tài sản chung này.

* Về nợ chung: Anh S và chị L không có nợ chung.

* Về Trợ giúp pháp lý: Anh S là đồng bào dân tộc thiểu số và có hộ khẩu thường trú ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng anh S không yêu cầu được trợ giúp pháp lý miễn phí.

* Về nơi ở và nơi làm việc hiện nay của anh S: Anh S chỉ cung cấp thông tin là đang làm việc ở Bắc Ninh không cung cấp địa chỉ nơi ở, nơi làm việc cụ thể của anh S nên ông Th không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án.

* Anh S có đề nghị toàn bộ các văn bản của Tòa án gửi cho anh S theo địa chỉ ở Thôn N, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và sau khi gia đình anh S nhận được sẽ thông báo lại nội dung các văn bản của Tòa án bằng điện thoại cho anh S biết.

Đối với các văn bản của Tòa án đã gửi cho anh S thông qua ông Th thì anh S xác nhận đã biết toàn bộ nội dung của các văn bản này do ông Thảo và gia đình thông báo bằng điện thoại cho anh S được biết.

Tại biên bản xác minh ngày 02/02/2023 ông Hoàng Văn T, là Trưởng Công an xã Dương S cung cấp thông tin:

Qua kiểm tra Sổ đăng ký thường trú lưu tại Công an xã Dương S thấy, anh Luân Văn S vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn trong hộ ông Luân Đình Th. Ngoài đăng ký thường trú ở địa chỉ trên thì anh S không đăng ký tạm trú ở bất kỳ nơi nào khác. Theo thông tin Công an xã nắm được hiện nay anh S đi làm công nhân không thường xuyên có mặt tại địa phương nơi cư trú.

Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2022 và biên bản xác minh ngày 03/02/2023 bà Phùng Thị K và ông Nông Văn Th, là bố mẹ đẻ của nguyên đơn chị Nông Thị L cung cấp thông tin như sau:

Năm 2016 con chúng tôi chị Nông Thị L và anh Luân Văn S kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị L, anh S sinh sống ở nhà chúng tôi. Trong thời gian sinh sống tại gia đình chúng tôi thấy rằng giữa L và anh S hay xảy ra mâu thuẫn, lý do là anh S hay chơi bời, uống rượu, không có trách nhiệm với gia đình. Chung sống tại gia đình chúng tôi được khoảng hơn 02 năm thì chị L anh S cùng đi làm công nhân ở Bắc Ninh, tại Bắc Ninh vợ chồng càng mâu thuẫn, lý do như chị L trình bày là do anh S có hành vi đánh đập, chửi bới, đe dọa chị L. Được khoảng hơn một năm từ khi đi làm công nhân được nghỉ chỉ thấy chị L về nhà mà không thấy anh S, sau đó chúng tôi mới biết là chị L, anh S sống ly thân. Ông Th xác nhận trong thời gian sinh sống tại gia đình, có một lần vào năm 2018 anh S đánh chị L và ông là người can ngăn.

Tại biên bản xác minh ngày 09/01/2023 ông Luân Đình Th cung cấp thông tin như sau:

Anh Luân Văn S và chị Nông Thị L kết hôn với nhau vào năm 2016. Sau khi kết hôn anh S và chị L chủ yếu sinh sống cùng gia đình chị L ở Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, lâu lâu mới về thăm ông Th và gia đình một lần. Sau khi sinh sống cùng gia đình chị L được một thời gian thì hai vợ chồng đi làm công nhân từ đó đến

nay. Do hai vợ chồng anh S, chị L không thường xuyên sinh sống cùng gia đình ông Th nên ông Th không nắm được hai vợ chồng có mâu thuẫn gì hay không.

Tại biên bản xác minh ngày 09/01/2023 ông Luân Đình Ng, là trưởng thôn của thôn N, xã Dương S, huyện Na Rì cung cấp thông tin như sau:

Ông là trưởng thôn của thôn N và là thành viên của tổ hòa giải. Mặc dù anh Luân Văn S vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn N, xã Dương S, huyện Na Rì trong hộ ông Luân Đình Th nhưng sau khi kết hôn với chị Nông Thị L thì anh S và chị L sinh sống cùng gia đình chị L ở thôn Nà, xã C, huyện N, lâu lâu anh S và chị L mới về thăm bố mẹ của anh S một lần. Do đó ông Ngày không nắm được giữa chị L và anh S có mâu thuẫn gì hay không.

Tại các biên bản xác minh cùng ngày 17/02/2023 qua ông Sái Văn L, là Trưởng thôn của thôn Nà Khun và qua bà Hoàng Thị Ngọc A, là Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn Nà Khun cung cấp thông tin như sau:

Ông L là Trưởng thôn, bà A là Chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn, đồng thời là thành viên của Tổ hòa giải của thôn. Ông bà xác nhận chị L và anh S sau khi kết hôn có sinh sống cùng gia đình bố mẹ chị L một thời gian sau đó thì cả hai vợ chồng đi làm công nhân xa nhà. Trong thời gian chị L anh S sinh sống tại thôn, tổ hòa giải chưa nhận được yêu cầu can thiệp, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên không nắm được cụ thể tình trạng hôn nhân của chị L và anh S.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nông Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án cho chị L được ly hôn với anh Luân Văn S, không thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại tất cả các giải đoạn tố tụng, do đó không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nông Thị L được ly hôn với anh S.

- *Về con chung:* Không có nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị Nông Thị L xác định không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh Luân Văn S có ý kiến yêu cầu chị L phải trả cho anh S số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mà anh S đã bỏ ra để khoan giếng nước. Tuy nhiên anh S không làm đơn yêu cầu phản tố theo hướng dẫn của Tòa án và quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở để đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

- *Về nợ chung:* Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nông Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nông Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Luân Văn S. Qua xác minh bị đơn anh Luân Văn S vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn anh Luân Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, biết được nội dung thông báo của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nông Thị L và anh Luân Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L (Nay là xã C), huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau được một khoảng thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do anh S thường xuyên rượu chè, chơi bời không chịu khó làm ăn và có hành vi bạo lực gia đình đối với chị L; còn theo như anh S cung cấp thông tin (thông qua bố đẻ là ông Th) thì anh S không được chửi bới, uống rượu và không đánh đập chị L mà mâu thuẫn của vợ chồng là bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày. Mặc dù, lời trình bày của chị L và anh S có khác nhau về nguyên nhân dẫn đến hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cả chị L và anh S đều thừa nhận giữa hai vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, đã sống ly thân nhau từ năm 2020, hiện nay cả hai không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm dành cho nhau. Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã được gia đình thông báo nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị L, nhưng anh S không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, điều này cho thấy anh S cũng không có mong muốn hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân với chị L. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh S đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị Nông Thị L và anh Luân Văn S chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:*

- Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện Chị Nông Thị L cho rằng hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh Luân Văn S không đến Tòa án làm việc nhưng thông qua bố đẻ là ông Thảo có yêu cầu chị L phải trả cho anh S số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là tiền anh S đóng góp để khoan giếng nước. Tòa án đã có thông báo, yêu cầu anh S thực hiện thủ tục làm đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung để Tòa án xem xét nhưng anh S không thực hiện các thủ tục nộp đơn phản tố theo hướng dẫn của Tòa án và theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án không có căn cứ để xem xét giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh S. Nếu các bên có tranh chấp về tài sản chung sẽ được xem xét trong một vụ án khác về chia tài sản chung sau ly hôn.

- Về nợ chung: Chị Nông Thị L và anh Luân Văn S đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nông Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L được ly hôn với anh Luân Văn S.

2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị Nông Thị L và anh Luân Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nông Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001538, ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị Nông Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã Cường Lợi;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Bình

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Trần Văn Sinh

Nông Thị Giáp

Võ Thanh Bình